



xīn wén

新闻

Noun · news

Example Sentences

zhè shì xīn wén

这是新闻。

This is news.

zhè tiáo guó jì xīn wén yǐn qǐ le guǎng fàn de tāo lùn

这条国际新闻引起了广泛的讨论。

This international news has sparked widespread discussion.

nǐ kàn dào guān yú nà chǎng yīn yuè huì de xīn wén le ma

你看到关于那场音乐会的新闻了吗？

Have you seen the news about that concert?

Trace each character, then write the word on your own.

新	新	新	新	新	新	新	新	新	新	新
新	新	新	新	新						
闻	闻	闻	闻	闻	闻	闻	闻	闻	闻	闻
闻										